

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 02/2024/HC-PT

Ngày: 04/6/2024

V/v khiếu kiện hành chính trong
lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2024/TLPT-HC ngày 04/4/2024 về khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L S bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ- PT ngày 02/5/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: Phố Chiềng Trào, thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Phố Thống Nhất, thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Đan - Chủ tịch UBND thị trấn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn V B: Ông Phạm Văn C1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ trụ sở: thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Lịnh - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L S: Ông Bùi Văn V – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L S, tỉnh Hòa Bình (Theo văn bản ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện L S, tỉnh Hòa Bình).

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị C có hai thửa đất; một thửa đất thổ cư có diện tích 784m² có GCNQSD mang tên bà Bùi Thị C và một thửa đất nông nghiệp (đất trồng lúa) có diện tích 345m² có GCNQSD mang tên ông Bùi Văn C. Hai thửa đất liền kề nhau; thửa đất trồng lúa nằm phía giáp quốc lộ 12B, phía trong là thửa đất thổ cư. Năm 2003, cơ quan quản lý đất đai đo đạc địa chính chính quy, ông Bùi Văn C có khai diện tích đất trồng lúa nhưng chính quyền xã Liên Vũ (nay là thị trấn V B) có yêu cầu ông khai thành đất vườn do chính quyền đã chuyển mục đích sử dụng đất để phù hợp với quy hoạch khu đất ở nông thôn; thửa đất trồng lúa chuyển thành đất vườn số thửa 129 diện tích là 409,1m².

Năm 2014, gia đình ông Bùi Văn C có nhu cầu vay vốn, cần thế chấp quyền sử dụng đất và có làm thủ tục đề nghị đổi GCNQSD đất của hai thửa đất thành một thửa nhưng chính quyền địa phương không thực hiện vì cho rằng đất gia đình ông có một phần diện tích là đất trồng lúa. Ông khiếu nại thì được UBND xã Liên Vũ trả lời là không công nhận kết quả đo đạc năm 2003. Sau đó UBND huyện có văn bản giải quyết khiếu nại nội dung như trả lời của UBND xã Liên Vũ.

Ông Bùi Văn C khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết. Tại phiên đối thoại UBND huyện L S cam kết sẽ hướng dẫn gia đình ông làm thủ tục cấp đổi GCNQSD đất. Do vậy, ông Bùi Văn C rút đơn khởi kiện; vụ án được đình chỉ giải quyết. Sau đó UBND huyện không thực hiện như cam kết nên ông Bùi Văn C kháng cáo quyết định đình chỉ lên TAND cấp cao tại Hà Nội. TAND cấp cao giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ông Chính tiếp tục khiếu nại và được Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao có công văn trả lời không kháng nghị nhưng có nội dung trả lời ông Chính sau này các cấp chính quyền không thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông có quyền khiếu kiện hành chính ra Tòa án nhân dân.

Ngày 13/9/2022, có đoàn công tác gồm đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L S, Thanh tra huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, đại diện thị trấn V B tiến hành đo đạc thực địa đất gia đình ông; xác nhận diện tích đất thực tế, xác nhận tứ cận không có tranh chấp và cam kết sau này thực hiện quyền liên quan đến thửa đất thì cấp đổi theo hiện trạng sử dụng đất. Sau đó, ông Chính, bà Cường có yêu cầu được hướng dẫn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND thị trấn V B kéo dài thời hạn.

Đến ngày 18/4/2023, ông nhận được Thông báo số 36/UBND-ĐC, ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B trả lời đất gia đình ông có diện tích tăng thêm

397,8m² và có chồng lẫn 74,2m² đất trồng lúa nên hồ sơ xin cấp đổi quyền sử dụng đất của gia đình ông chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Ông Chính, bà C cho rằng diện tích 74,2m² đất trồng lúa này đã được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất vườn theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2003 và thực tế đó là phần đất đi vào nhà ông. Vì thế, ông Chính, bà C không đồng ý với nội dung Thông báo số 36/UBND-ĐC của UBND thị trấn V B cho rằng kết quả trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là hoàn toàn đúng với đo đạc năm 2003, không có sự chồng lấn mà là đã cấp làm đường đi cho gia đình ông, phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Thông báo số 36/UBND-ĐC của UBND thị trấn V B còn cho rằng diện tích 74,2m² đường đi chưa được chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp nên chưa thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai. Do vậy, Ông Chính, bà C khiếu kiện với yêu cầu hủy Thông báo nêu trên; yêu cầu UBND thị trấn V B thay thông báo 36/UBND-ĐC bằng thông báo khác với nội dung đất của ông bà đã đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận theo luật Đất đai năm 2013 và yêu cầu UBND thị trấn V B tiếp tục hướng dẫn ông bà được cấp đổi GCNQSD với hai thửa đất của hai loại đất thành một thửa và một loại đất theo bản đồ đo đạc năm 2003 và diện tích đất thực tế theo biên bản làm việc ngày 13/9/2022.

Người bị kiện UBND thị trấn V B trình bày: Gia đình ông Chính, bà C có quyền sử dụng hai thửa đất đúng như ông Chính, bà C khai. Quá trình sử dụng đất, ông Chính, bà C đã làm nhà ở lẫn vào đất nông nghiệp; sử dụng không đúng hiện trạng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, địa bàn xã Liên Vũ được Nhà nước đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy. Hộ gia đình ông Chính, bà C được xác định đất thổ cư chia làm hai thửa là thửa số 160 với diện tích là 663,8m² (trong đó có đo gộp một phần trong diện tích 345m² đất lúa) và thửa 161 với diện tích là 703,7m², đất vườn diện tích 409,1m². Ngày 18/10/2006, ông Bùi Văn C có đơn xin mượn đất để làm quán ăn và lối đi qua đất ruộng. Việc mượn đất của ông Chính tại thời điểm chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng hộ ông Chính đã san lấp làm đường và sân ở phía Tây thửa đất ruộng. Ngày 12/12/2006 UBND xã Liên Vũ phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L S xác minh diện tích đất lúa một vụ của hộ ông Chính. Xác định hộ ông Chính lấn vào đất ruộng 36m². Tháng 4 năm 2014 tự ý đổ đất xây quán trên đất trồng lúa với diện tích là 63m². Ngày 22/10/2014 ông Chính làm thủ tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả đất ở và một phần đất trồng lúa. Hộ ông Chính, bà C đã nhiều lần bị các cấp chính quyền xã, huyện xác minh, cấp xã đã xử phạt hành chính về hành vi sử dụng đất sai mục đích; UBND xã Liên Vũ đã có quyết định số 86a/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 trả lời khiếu nại của ông Bùi Văn C trong đó có nội dung yêu cầu ông Bùi Văn C trả lại hiện trạng đất trồng lúa. Ông Bùi Văn C tiếp tục khiếu nại và đã được Ủy ban nhân dân huyện L S có quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 về việc trả lời khiếu nại của ông Bùi Văn C trong đó có

nội dung công nhận quyết định trả lời khiếu nại số 86a/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND xã Liên Vũ. Hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Chính, bà C đã được UBND thị trấn xem xét và thấy rằng việc đo đạc địa chính chính quy năm 2003 đối với các loại đất hộ gia đình ông Chính, bà C là chưa chính xác; trong đó đất thổ cư bị chia thành hai thửa 160 và 161 và đo gộp cả 345m² đất lúa, phần đất trồng lúa xác định là đất vườn.

Việc xác định loại đất phải căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. Tại điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định:

“b) Trường hợp chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính mới thì xác định như sau: - Các thông tin về người sử dụng đất, thông tin về quyền sử dụng đất được xác định theo Giấy chứng nhận đã cấp; ...- Các thông tin về đường ranh giới (hình thể, kích thước cạnh thửa, tọa độ đỉnh thửa), diện tích của thửa đất được xác định theo bản đồ địa chính mới; trường hợp đường ranh giới thực tế của thửa đất trên bản đồ địa chính mới đã có biến động so với ranh giới thể hiện trên Giấy chứng nhận đã cấp thì thông tin pháp lý về đường ranh giới và diện tích sử dụng đất được xác định theo Giấy chứng nhận đã cấp”.

Hộ gia đình ông Chính, bà C đã được cấp Giấy chứng nhận trước khi đo đạc địa chính chính quy năm 2003 và đã có biến động nên ranh giới, thông tin về quyền sử dụng đất phải theo Giấy chứng nhận đã cấp. Do đó, theo Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Chính, bà C thì có một phần đất lúa chưa được chuyển đổi thành đất thổ cư; không đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cũng không có tên trong danh mục được chuyển đổi theo kế hoạch sử dụng đất nên hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đổi hai loại đất thành một thửa, một loại đất cho một GCN QSD đất. UBND thị trấn V B đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chính, bà C.

UBND huyện L S trình bày: Nhất trí với trình bày của UBND thị trấn V B. Việc khiếu nại của gia đình ông Chính, bà C đã được UBND xã Liên Vũ trước đây, UBND huyện giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật. UBND huyện đã tạo điều kiện, trả lời và hướng dẫn ông Chính, bà C tại các văn bản số 263/UBND-VPTCD ngày 08/3/2021, văn bản số 663/UBND-TNMT ngày 25/5/2021, văn bản số 2054/UBND-VPTCD ngày 30/12/2021 và văn bản số 823/UBND-TNMT ngày 21/6/2022. Do đất của gia đình ông Chính, bà C còn có một phần là đất trồng lúa chưa được chuyển đổi nên hướng dẫn ông Chính, bà C thực hiện theo các thủ tục quy định của pháp luật hiện hành. Việc cấp đổi cả hai loại đất thành một mà chưa qua thủ tục chuyển mục đích sử dụng là không phù hợp các quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HCST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L S. Quyết định: Áp dụng điểm đ khoản 4 Điều 40, Điều 57, khoản 1, khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013; Điều 69, 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật

Đất đai; điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; điểm b khoản 2, khoản 4 và khoản 7 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-TNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 31, Điều 204, khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị C với UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Về việc Hủy thông báo số 36/UBND-ĐC, ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B đối với yêu cầu hướng dẫn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị C. Ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị C vẫn có quyền yêu cầu các cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2024 ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị C kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ thông báo số 36/UBND - ĐC ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B và buộc UBND thị trấn V B thay thế báo cáo khác với nội dung là đất của ông bà đủ điều kiện cấp đổi sổ theo luật đất đai năm 2013, theo đo đạc năm 2003 đã ban hành.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự; của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Ông Chính, bà C xin cấp đổi GCNQSD đất nhưng chưa thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn nên không đủ điều kiện để cấp đổi. UBND thị trấn V B ban hành Thông báo số 36/ UBND-ĐC ngày 17/4/2023 trả hồ sơ xin cấp đổi GCN QSD đất cho bà Bùi Thị C là có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã xử và Quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng pháp luật. Ông Chính, bà C kháng cáo đề nghị hủy Thông báo số 36 nêu trên nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện: Thông báo số 36/UBND - ĐC ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình là văn bản hành chính của UBND cấp xã trong lĩnh vực quản lý đất đai, do

Chủ tịch UBND thị trấn V B, huyện L S ký ban hành là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính;

Tòa án nhân dân huyện L S thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L S xét xử vụ án; Ngày 10/01/2024 ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị C kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành văn bản số 36/UBND - ĐC ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

Ông Bùi Văn C nộp hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 17/4/2023 UBND thị trấn V B ban hành văn bản số 36/UBND - ĐC trả lời hồ sơ xin cấp đổi GCNQSDĐ.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính về đất đai thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã. UBND thị trấn V B ban hành văn bản trả lời là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành.

[2.2] Về nội dung văn bản 36/UBND - ĐC ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

Năm 1994 hộ ông Bùi Hữu Tình có hộ khẩu thường trú tại xóm Chiềng, xã Liên Vũ được nhà nước giao đất 01 vụ lúa tại thửa 35, TĐĐ 01; DT 345m² tại Khoang Châu. Quá trình sử dụng ông Tình đã đổi diện tích đất trên cho ông Chính.

Ngày 25/9/1996 bà Bùi Thị C được UBND huyện L S cấp GCNQSDĐ đổi với đất thổ cư tại thửa 33, TĐĐ 04; DT 784m² tại xã Liên Vũ, L S Hòa Bình.

Ngày 15/12/1995 ông Bùi Văn C được UBND huyện L S cấp GCNQSDĐ đổi với diện tích đất nông nghiệp 2605m² trong đó có thửa 35, tờ bản đồ 01; diện tích 345m², mục đích sử dụng 1 lúa tại Khoang Châu (diện tích đất đổi).

Năm 2003 khi thực hiện đo đạc chính quy, đất của ông Chính, bà C thành 02 thửa đất thổ cư là thửa 160 diện tích là 663,8m², thửa 161 diện tích 703,7m² và 01 thửa đất vườn với diện tích 409,1m² (trong đó có 345m² đất trồng lúa một vụ ghi thành đất vườn).

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Chính, bà C đã sử dụng sai mục đích đổi với thửa đất trồng lúa và đã bị các cấp chính quyền địa phương xử phạt hành chính. Việc đo đạc địa chính chính quy năm 2003 đã có sự dẫn đặc sai; thửa đất

thổ cư tên bà Bùi Thị C đã được tách thành hai thửa là thửa 160 và 161. Đối với thửa đất trồng lúa đã phản ánh thành đất vườn trên bản đồ là không chính xác;

Ông Chính, bà C đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất trước khi đo đạc địa chính chính quy năm 2003 nên các thông tin về quyền sử dụng đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2014/TT-TNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Việc cấp đổi GCN QSD đất từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư phải được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57; khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai 2013; Điều 6 Thông tư 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở thì phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ để cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong dự án đầu tư, đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất...

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì ông Chính, bà C chưa có đơn đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cũng không có tên trong danh mục được chuyển đổi theo kế hoạch sử dụng đất. Ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị Cường chỉ được cấp đổi giấy chứng nhận đất thổ cư đối với diện tích đất theo Giấy chứng nhận tên bà Bùi Thị C và phần diện tích đất tăng thêm cùng loại đất không có tranh chấp. Đối với phần đất trồng lúa muốn chuyển mục đích sử dụng sang đất vườn cần làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Thông báo số 36/UBND - ĐC ngày 17/4/2023 của UBND thị trấn V B, huyện L S, tỉnh Hòa Bình trả hồ sơ xin cấp đổi GCN QSD đất của bà Bùi Thị C do có sự chồng lấn một phần diện tích đất trồng lúa là 74,2m² mà chưa được chuyển mục đích sử dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các quyết định khác có liên quan: Quyết định giải quyết khiếu nại số 86a/QĐ- UBND ngày 04/11/2016 của Chủ tịch UBND xã Liên Vũ và Quyết định số 2346/QĐ- UBND ngày 25/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện L S giải quyết khiếu nại lần 2 được ký ban hành là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L S xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ hợp pháp.

Ông Chính, bà C kháng cáo nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Chính, bà C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị C. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HCST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí.

Ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002210 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L S, tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn Đinh Trường Sơn

Bạch Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND H L S;
- Chi cục THADS H L S;
- Các Đương Sự;
- Lưu

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Thị Hồng Hoa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 46-HC:

(1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số 10/2017/HC-PT).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: “Về khiếu kiện quyết định thu hồi đất”).

(6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu người khởi kiện là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh. Trường hợp người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người khởi kiện thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nào.

(14) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án và quan hệ pháp luật cần giải quyết; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung và lý do của kháng cáo, kháng nghị; yêu cầu của người kháng cáo, đề nghị của người kháng nghị; ý kiến của Viện kiểm sát.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án do có kháng cáo, kháng nghị, về án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có), về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi nơi nhận theo quy định tại Điều 244 của Luật TTHC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

